

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 122/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020  
Hanoi, 12 March 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
  - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
  - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
  - Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **11/03/2020**
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,300	4.9%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	280	0.5%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	480	1.0%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	590	0.6%
8	EIB	1,500	2.2%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	780	3.5%
11	GAS	130	0.8%
12	GEX	560	0.8%
13	GMD	360	0.6%
14	GMD	230	0.2%
15	HBC	170	0.2%
16	HCM	170	0.2%
17	HDB	970	2.2%
18	HPG	2,390	4.5%
	HSG	360	0.2%

19	KBC	500	0.6%
20	MBB	2,010	3.4%
21	MSN	670	3.1%
22	MWG	410	3.4%
23	NLG	210	0.4%
24	NVL	470	2.2%
25	PDR	180	0.4%
26	PLX	150	0.6%
27	PNJ	260	1.7%
28	POW	670	0.6%
29	PVD	300	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	240	0.6%
32	ROS	360	0.2%
33	SAB	100	1.4%
34	SBT	380	0.6%
35	SHB	1,700	1.5%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,600	2.6%
38	TCB	3,280	5.9%
39	TCH	280	0.7%
40	TPB	710	1.3%
41	VCB	420	2.9%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.5%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,180	7.9%
46	VIC	1,110	9.5%
47	VJC	370	3.7%
48	VNM	1,070	9.5%
49	VPB	2,460	5.6%
50	VRE	1,310	3.0%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>17,900,877</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 1,129,583,500 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 1,147,484,377 VND

+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component 17,900,877 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

C.T.  
NG T  
HIỆM  
JAN L  
S  
OÀN K



STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	48,700	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	15,550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	79,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	24,200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	51,700	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	18,000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	19,150	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	93,900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	73,700	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	30,300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>

11	TCB	20,700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	26,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 11/03/2020	Kỳ trước/Last Period 10/03/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	11,100	11,500	-400
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	162,942,781,650	161,777,109,502	1,165,672,148
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,147,484,377	1,139,275,419	8,208,958
của 1 CCQ/ per Share	11,474.84	11,392.75	82.09
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,257.47	1,298.66	-41.19

Đại diện tổ chức  
Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Lê Hằng